TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 282/2023/HNGĐ- ST
Ngày 31/8/2023
"V/v Tranh chấp HN&GĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M– THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Viết Hồng; bà Dương Thị Kim Lan
Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023về việc: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023; Quyết định Hoãn Phiên tòa số: 88/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện M, TP. H.

* **Bị đơn**: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1984;

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện M, TP. H.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị T kết hôn với anh H từ ngày 05/12/2005, trước khi kết hôn có được tìm hiểu thời gian khoảng 06 tháng, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, TP. H. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu gia đình anh H ngay, vợ chồng ở chung với gia đình nhà chồng được khoảng 08 tháng thì ở riêng trên đất và nhà của anh H. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2008 bắt đầu mâu thuẫn vợ chồng hay cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, do anh H có quan hệ bất chính với người khác, việc anh H có quan hệ bất chính với người khác, chị Tiến không đề nghị giải quyết vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hân.

***Bị đơn có lời khai:** Xác nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu mâu thuẫn vợ chồng hay cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, do điều kiện kinh tế khó khăn, do anh làm ăn kinh tế bị thua lỗ và vỡ nợ nên chị T bỏ đi sống với người khác đem theo con (T1) đi cùng, việc chị T sống cùng người khác anh H chưa báo các cơ quan liên quan về việc chị T vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H không nhất trí, anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con. Đề nghị tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung:

Nguyên đơn trình bày: Vợ chồng có 02 con chung Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007; Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013.

Hiện nay con Trần Nguyễn Long T1, đang ở với chị T, con Trần Văn N ở với anh H; khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H đề nghị giải quyết cho anh nuôi cả hai con không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị T nhất trí để anh H nuôi cả hai con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi tháng 3.000.000đ/2 con. Hiện nay chị làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Vợ chồng có 02 con chung Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007; Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013.

Hiện nay con Trần Nguyễn Long T1, đang ở với chị T, con Trần Văn N ở với anh H; Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con xin ở với chị T, anh H không đồng ý, anh đề nghị giải quyết cho anh nuôi cả hai con. Hiện nay anh làm nhân viên lái xe cho công ty vận tải BG chuyên vận chuyển hàng hóa bưu cục của bưu điện, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ. Nguyện vọng của con Trần Văn N xin ở với anh, anh H nhất trí, con Trần Nguyễn Long T1 xin ở với mẹ, anh H không nhất trí. Đề nghị giải quyết cho anh nuôi cả hai con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Hai bên đều xác định không đề nghị giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Về con chung đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con Trần Nguyễn Long T1, để anh H nuôi con Trần Văn N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản, công sức, công nợ không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013; giao cho anh Hân nuôi con Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi

con cho bên nào nhưng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản, công sức, công nợ không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 09 tháng 4 năm 2023 chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện M, TP. H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ Thôn P, xã T, huyện M, TP. H nên Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị T đối với anh H, Hội đồng xét xử thấy: chị T và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã T huyện M, thành phố H, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và cách sống, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn là phù hợp điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007; Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013. Khi ly hôn cả hai bên đều xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của các bên là chính đáng, theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *".. khi ly hôn..., nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Tại bản tự khai con Trần Văn N, có nguyện vọng xin được ở với bố; con Trần Nguyễn Long T1, có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy việc giao con cho các bên nuôi dưỡng là để đảm bảo sự phát triển của các con về thể chất lẫn tinh thần của trẻ. Hội đồng xét xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là đúng với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn H.

2.Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Trần Nguyễn Long T1, sinh ngày 13/10/2013 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác;

Giao cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Trần Văn N, sinh ngày 04/7/2007 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ:** Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021100 ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặt Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M;*
- *Chi cục THADS huyện M;*
- *UBND xã T (Giấy CNKH số 48/2007, quyển số 01/2007);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

ThÈm ph¸n - chñ to¹ phi¸n toµ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

ThÈm ph¸n - chñ to¹ phi¸n toµ